

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 03/2013/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2013*

**THÔNG TƯ**

**Quy định phí thẩm định kinh doanh thương mại có điều kiện; thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề y, dược; lệ phí cấp giấy phép xuất, nhập khẩu trang thiết bị y tế, dược phẩm; cấp chứng chỉ hành nghề y; cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh**

*Căn cứ Luật Dược số 34/2005/QH 11;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH 12;*

*Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH 10;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị của Vụ Chính sách Thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quy định phí thẩm định kinh doanh thương mại có điều kiện; thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề y, dược; lệ phí cấp giấy phép xuất, nhập khẩu trang thiết bị y tế, dược phẩm; cấp chứng chỉ hành nghề y; cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh.*

**Điều 1. Người nộp phí, lệ phí**

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài khi được cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực y tế quy định tại Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này thì phải nộp phí và lệ phí.

**Điều 2. Mức thu phí, lệ phí**

Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực y tế thực hiện theo quy định tại Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 3. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí**

1. Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng và Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện công việc được thu phí, lệ phí tại Thông tư này là cơ quan thu phí, lệ phí.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí được trích 80% số tiền phí, lệ phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải cho việc thực hiện các công việc liên quan đến thẩm định, cấp phép và thu phí, lệ phí như sau:

a) Các khoản chi quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

b) Chi phí cử chuyên gia trong nước đi nước ngoài và mời chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam để kiểm tra công nhận lẫn nhau về điều kiện sản xuất và chất lượng sản phẩm phục vụ cho việc thực hiện công việc, thẩm định, thu phí;

c) Chi mua sắm máy móc thiết bị văn phòng phục vụ cho việc thực hiện công việc, thẩm định, thu phí.

3. Phần còn lại 20%, cơ quan thu phí, lệ phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí, lệ phí trong lĩnh vực y tế không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2013.

2. Bãi bỏ Quyết định số 44/2005/QĐ-BTC ngày 12/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phí thẩm định kinh doanh thương mại có điều kiện thuộc lĩnh vực y tế, phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề y, dược, lệ phí cấp giấy phép xuất, nhập khẩu và cấp chứng chỉ hành nghề y, dược và Quyết định số 59/2008/QĐ-BTC ngày 21/7/2008 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 44/2005/QĐ-BTC ngày 12/7/2005.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./.

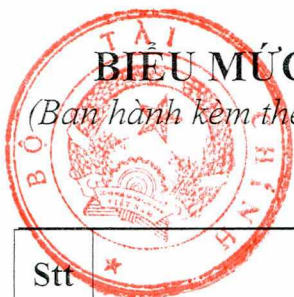
**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**



## BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC Y, DƯỢC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BTC ngày 08/01/2013 của Bộ Tài chính)

Stt	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (1.000 đồng)
<b>I</b>	<b>Phí thẩm định kinh doanh thương mại có điều kiện thuộc lĩnh vực y, dược</b>		
1	Thẩm định nội dung thông tin, quảng cáo thuốc, mỹ phẩm	Hồ sơ	1.800
2	Thẩm định nội dung quảng cáo trang thiết bị y tế.	Hồ sơ	1.000
3	Thẩm định cấp số đăng ký lưu hành thuốc (tân dược, vắc xin, sinh phẩm y tế, thuốc từ dược liệu):	Hồ sơ	
	Thuốc có yêu cầu bảo mật dữ liệu		6.000
	Thuốc có yêu cầu hồ sơ tương đương sinh học hoặc/và có yêu cầu hồ sơ lâm sàng		5.500
	Thuốc không thuộc các trường hợp ở trên		4.500
	Trường hợp bổ sung, thay đổi đối với thuốc đã có số đăng ký trong quá trình lưu hành		1.000
4	Phí thẩm định hồ sơ đơn hàng nhập khẩu thuốc thành phẩm chưa có số đăng ký (trừ trường hợp một số thuốc nhập khẩu chưa có số đăng ký được phép miễn lệ phí cấp giấy phép)	Hồ sơ	800
5	Công bố sản phẩm mỹ phẩm (bao gồm cả việc kiểm tra điều kiện sản xuất, giám sát chất lượng)	Hồ sơ	500
6	Thẩm định cấp giấy phép lưu hành trang thiết bị y tế	Hồ sơ	300
7	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khảo nghiệm hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	Hồ sơ	2.000
8	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chính thức hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	Hồ sơ	8.000
9	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký lưu hành lại hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn	Hồ sơ	1.000
10	Phí thẩm định nội dung quảng cáo hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	Hồ sơ	1.000
11	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	Lần	2.000
12	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép đăng ký lưu hành bổ sung đối với các trường hợp:	Lần	
	Thay đổi quy cách đóng gói; thay đổi hình thức hoặc nội dung mẫu nhãn; thay đổi địa chỉ đơn vị sản xuất, đơn vị đăng ký; thay đổi quyền sở hữu giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; bổ sung cơ sở sản xuất mới ngoài cơ sở sản xuất ban đầu		1.000

	Thay đổi địa điểm sang chai, đóng gói từ nước ngoài thành sang chai, đóng gói tại Việt Nam và thay đổi về tác dụng, chỉ tiêu chất lượng hoặc phương pháp sử dụng		2.000
13	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước chưa có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành.	Hồ sơ	2.000
<b>II Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề dược</b>			
1	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc, mỹ phẩm, bao bì dược phẩm (đăng ký GMP)	Lần	20.000
2	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu áp dụng lộ trình triển khai GMP:	Lần	
a	Doanh nghiệp		6.000
b	Hợp tác xã, hộ kinh doanh		3.000
3	Thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện kiểm nghiệm thuốc (cơ sở đăng ký GLP)	Lần	14.000
4	Thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện bảo quản thuốc (cơ sở đăng ký GSP)	Lần	14.000
5	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện đồng thời cả sản xuất, kiểm nghiệm và bảo quản thuốc (cơ sở đăng ký cả GMP, GLP và GSP)	Lần	20.000
6	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện đồng thời cả sản xuất và kiểm nghiệm thuốc (cơ sở đăng ký cả GMP và GLP)	Lần	19.000
7	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện đồng thời cả sản xuất và bảo quản thuốc (cơ sở đăng ký cả GMP và GSP)	Lần	19.000
8	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện đồng thời cả kiểm nghiệm và bảo quản thuốc (cơ sở đăng ký cả GLP và GSP)	Lần	14.000
9	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động về thuốc, nguyên liệu làm thuốc và nguyên liệu sản xuất vắc xin, sinh phẩm y tế tại Việt Nam đối với doanh nghiệp nước ngoài	Lần	15.000
10	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện y dược học cổ truyền, trang thiết bị y tế của cá nhân nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Lần	3.000
11	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP):	Lần	
a	Doanh nghiệp		4.000
b	Đại lý		1.000
12	Thẩm định hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề dược	Lần	500
13	Thẩm định tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc tốt (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề dược đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình	Lần	
	Đối các địa bàn thuộc vùng khó khăn		500
	Đối với các khu vực còn lại		1.000

14	Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề đối với cơ sở kinh doanh thuốc từ dược liệu (bao gồm cả dược liệu), thuốc đông y (bao gồm cả thuốc phiện).	Cơ sở	- 500 (đối với tỉnh, thành phố trực thuộc TW; tỉnh đồng bằng trung du). - 200 (đối với tỉnh miền núi, vùng sâu, xa)
15	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền	Lần	2.500
16	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lương y	Lần	2.500
<b>III</b>	<b>Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh</b>		
1	Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép hoạt động do bị thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật khám bệnh, chữa bệnh; khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi địa điểm với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi quy mô khoa phòng, giường bệnh, cơ cấu tổ chức:	Lần	
	- Bệnh viện;		10.500
	- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh;		5.700
	- Phòng khám chuyên khoa; - Phòng chẩn trị y học cổ truyền; - Phòng chẩn đoán hình ảnh; - Phòng xét nghiệm; - Cơ sở dịch vụ y tế; - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác.		4.300
	- Trạm y tế cấp xã và tương đương;		3.100
2	Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện được phép thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính	Lần	10.500
3	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động do bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật khám bệnh, chữa bệnh; cấp lại giấy phép hoạt động khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Lần	1.500
4	Phí thẩm định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn, bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật, thay đổi quy mô khoa phòng, giường bệnh, cơ cấu tổ chức.	Lần	4.300
5	Phí thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Lần	360
6	Phí thẩm định cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp bị mất, hư hỏng và thu hồi theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Lần	150

<b>V Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận phòng xét nghiệm an toàn sinh học</b>			
1	Đối với phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp 3,4	Lần	9.000
2	Đối với phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp 1,2	Lần	4.500
<b>V Lệ phí</b>			
1	Cấp giấy phép nhập khẩu trang thiết bị y tế:		
	Thiết bị y tế nhập khẩu trị giá dưới 1 tỷ đồng	1 mặt hàng/lần	500
	Thiết bị y tế nhập khẩu trị giá từ 1 tỷ đến 3 tỷ đồng	1 mặt hàng/lần	1.000
	Thiết bị y tế nhập khẩu trị giá trên 3 tỷ đồng	1 mặt hàng/lần	3.000
	Dụng cụ y tế, vật tư cấy ghép nhập khẩu	1 mặt hàng/lần	200
2	Lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thuốc chưa có số đăng ký	Giấy	200
3	Lệ phí cấp giấy phép lưu hành tự do (CFS)/chứng nhận sản phẩm dược (CPP) đối với các sản phẩm dược phẩm xuất khẩu ra nước ngoài, sản phẩm thiết bị y tế sản xuất trong nước đã có giấy phép lưu hành	Sản phẩm/nước xuất khẩu	200
4	Lệ phí cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do mỹ phẩm (CFS) (thời hạn 02 năm)	Giấy	200
5	Lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Chứng chỉ	190
6	Lệ phí cấp, cấp lại giấy phép hoạt động cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Giấy phép	350

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2013

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí qua phà**

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà, như sau:

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí qua phà đối với các bến phà do ngân sách nhà nước đầu tư.

**Điều 2. Đối tượng chịu phí và người nộp phí qua phà**

1. Đối tượng chịu phí qua phà bao gồm: Người đi bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các loại xe tương tự.

2. Người nộp phí qua phà bao gồm: Người đi bộ; người điều khiển phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các loại xe tương tự.

**Điều 3. Miễn, giảm phí qua phà**

Việc miễn, giảm phí qua phà được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí.

#### **Điều 4. Điều kiện áp dụng thu phí qua phà**

1. Đối với bến phà phải có quyết định thành lập, hoạt động bến phà và quyết định thu phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với bến phà do trung ương quản lý phải có quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về thành lập và hoạt động bến phà và quy định thu phí qua phà của Bộ Tài chính; đối với bến phà do địa phương quản lý phải có quyết định thành lập, hoạt động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có bến phà và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ra nghị quyết thu phí).

2. Mức thu cụ thể cho từng bến phà do Bộ Tài chính quyết định (đối với bến phà thuộc Trung ương quản lý) hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với bến phà thuộc địa phương quản lý).

### **Chương II QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ QUA PHÀ**

#### **Điều 5. Quản lý và sử dụng phí qua phà**

1. Phí qua phà là khoản thu của ngân sách dùng để trang trải cho công tác tổ chức đưa đón người và phương tiện qua sông. Trường hợp:

a) Số thu không đủ chi theo dự toán chi được duyệt (bao gồm các khoản chi thường xuyên và không thường xuyên) thì được Quỹ bảo trì đường bộ cấp bù số thiếu trong năm ngân sách để đảm bảo hoạt động của bến phà: Quỹ bảo trì đường bộ trung ương (sau đây gọi là Quỹ trung ương) cấp bù đối với bến phà do trung ương quản lý; Quỹ bảo trì đường bộ địa phương (sau đây gọi là Quỹ địa phương) cấp bù đối với bến phà do địa phương quản lý. Trường hợp địa phương chưa lập Quỹ bảo trì đường bộ thì ngân sách nhà nước sẽ cấp bù số thiếu, từ nguồn thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện.

b) Số thu cao hơn dự toán chi được duyệt, số chênh lệch phải nộp vào ngân sách nhà nước.

#### **Điều 6. Nội dung chi**

1. Chi hoạt động thường xuyên tổ chức thu phí và vượt sông, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước) như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành;

b) Chi phí quản lý: Công tác phí, hội nghị, thông tin liên lạc, dịch vụ công cộng (tiền điện chiếu sáng, nước sạch phục vụ văn phòng bến phà), văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, chi hội họp, học tập bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi bảo hộ lao động hoặc đồng phục theo chế độ quy định (nếu có);

- d) Chi thuê lực lượng chức năng phối hợp giữ gìn an ninh bến phà (nếu có);
- e) Chi tiền vé, ăn chỉ phục vụ thu phí;
- g) Chi mua phụ tùng thay thế, thiết bị có giá trị nhỏ và công cụ lao động khác trực tiếp phục vụ công tác thu phí và công tác vượt sông;
- h) Chi nhiên liệu phục vụ công tác vượt sông;
- i) Chi bảo hiểm phương tiện, hành khách khi qua phà;
- k) Chi đăng ký, đăng kiểm phương tiện vượt sông;
- l) Chi khác phục vụ cho công tác tổ chức thu phí của bến phà được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt (nếu có).

2. Chi không thường xuyên, bao gồm:

- a) Nâng cấp, sửa chữa lớn các phương tiện vượt sông, bến, bãi, nhà cửa, đường lên xuống bến; nạo vét luồng lạch;
- b) Chi khắc phục thiên tai bão lũ, địch họa, tai nạn gây hư hại đến công trình, cầu bến, phương tiện, thiết bị của bến phà sau khi đã được bảo hiểm đền bù thiệt hại (nếu có);
- c) Chi vận chuyển phà, ca nô được điều chuyển từ các bến phà theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- d) Chi sửa chữa nhỏ và vừa nhà cửa, phương tiện vượt sông, thiết bị phụ trợ cho công tác vượt sông, bến bãi, thiết bị văn phòng của bến phà.

3. Trích, chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí trong đơn vị theo nguyên tắc tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện bình quân/năm nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện bình quân/năm nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi đảm bảo các chi phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **Chương III** **LẬP DỰ TOÁN, GIAO DỰ TOÁN VÀ CHẤP HÀNH DỰ TOÁN** **THU CHI PHÍ QUA PHÀ**

#### **Điều 7. Lập dự toán**

Hàng năm, đơn vị có bến phà căn cứ vào đối tượng thu, mức thu phí đối với từng loại phương tiện, số phương tiện tham gia giao thông năm kế hoạch, định mức tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành lập dự toán thu, chi phí qua phà theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về phân cấp lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

1. Đối với bến phà do trung ương quản lý

- a) Đơn vị trực tiếp quản lý bến phà thuộc Khu Quản lý đường bộ lập dự

toán thu, chi phí qua phà của năm kế hoạch, gửi Khu Quản lý đường bộ xem xét, tổng hợp gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

b) Đơn vị trực tiếp quản lý bến phà thuộc Sở Giao thông vận tải đối với quốc lộ được ủy thác quản lý lập dự toán thu, chi phí qua phà của năm kế hoạch gửi Sở Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

c) Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi phí qua phà gửi Hội đồng quản lý Quỹ trung ương. Hội đồng quản lý Quỹ trung ương tổng hợp dự toán thu, chi phí qua phà vào kế hoạch của Quỹ gửi Bộ Giao thông vận tải. Bộ Giao thông vận tải tổng hợp cùng với dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, gửi Bộ Tài chính theo quy định.

## 2. Đối với bến phà do địa phương quản lý

Đơn vị trực tiếp quản lý bến phà lập dự toán thu, chi phí qua phà gửi Hội đồng quản lý Quỹ địa phương. Hội đồng quản lý Quỹ địa phương tổng hợp dự toán thu, chi phí qua phà vào kế hoạch thu, chi của Quỹ gửi Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải tổng hợp cùng với dự toán ngân sách hàng năm của Sở, gửi Sở Tài chính theo quy định.

## 3. Dự toán thu, chi phí qua phà các đơn vị lập, bao gồm:

a) Dự toán thu, chi tiết theo từng khoản thu.

b) Dự toán chi bảo đảm phù hợp với những nội dung chi quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Dự toán thu, chi phí qua phà các đơn vị lập theo từng bến phà, có thuyết minh cơ sở tính toán chi tiết theo nội dung thu, chi đã quy định tại Thông tư này.

## **Điều 8. Giao dự toán**

### 1. Đối với bến phà do trung ương quản lý

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phí qua phà năm được cấp có thẩm quyền giao do Bộ Giao thông vận tải thông báo, Hội đồng quản lý Quỹ trung ương duyệt dự toán chi tiết thu, chi của từng bến phà trên cơ sở định mức tiêu chuẩn và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành tổng hợp trình Bộ Giao thông vận tải xem xét (chi tiết cho từng bến phà thuộc từng Khu Quản lý đường bộ, từng Sở Giao thông vận tải được ủy thác) để gửi Bộ Tài chính thẩm định. Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự toán thu, chi phí qua phà. Hội đồng quản lý Quỹ trung ương giao dự toán thu, chi phí qua phà cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam, cụ thể cho từng bến phà: Dự toán thu, chi phí qua phà; dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp bổ sung (nếu có).

### 2. Đối với bến phà do địa phương quản lý

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phí qua phà năm được cấp có thẩm quyền giao, Sở Giao thông vận tải duyệt dự toán chi tiết thu, chi phí

qua phà, Hội đồng quản lý Quỹ địa phương giao kế hoạch thu, chi phí qua phà cho từng đơn vị trực tiếp quản lý bến phà gồm: Dự toán thu, chi phí qua phà; dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp bổ sung (nếu có).

Trên cơ sở dự toán được giao, các Khu Quản lý đường bộ, các Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác đặt hàng hoặc giao kế hoạch đối với công tác tổ chức thu phí, nhiệm vụ chi thường xuyên cho đơn vị quản lý, thu phí bến phà; đấu thầu hoặc đặt hàng đối với chi phí không thường xuyên theo quy định của pháp luật đầu tư xây dựng.

## **Điều 9. Chấp hành dự toán**

### **1. Đối với đơn vị trực tiếp quản lý, thu phí qua phà**

Số tiền thu phí qua phà hàng ngày các đơn vị trực tiếp thu phải nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc nhà nước nơi có trụ sở bến phà để sử dụng vào mục đích chi thường xuyên và chi không thường xuyên theo hợp đồng đặt hàng hoặc giao kế hoạch. Phần còn lại hàng quý phải nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước.

### **2. Đối với cơ quan ký hợp đồng với đơn vị quản lý, thu phí bến phà**

Đối với bến phà do trung ương quản lý: Các Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải (đối với bến phà do trung ương quản lý) thực hiện việc thanh toán cho các đơn vị ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên của các bến phà.

Đối với bến phà do địa phương quản lý: Các Sở Giao thông vận tải (đối với bến phà do địa phương quản lý) thực hiện việc thanh toán cho các đơn vị ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên của các bến phà.

### **3. Kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước**

Căn cứ vào dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao; hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định giao dự toán thu, chi phí qua phà; số thu thực nộp vào Kho bạc nhà nước; lệnh chuẩn chi của thủ trưởng đơn vị và chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định, Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi, cấp phát tạm ứng hoặc thanh toán cho đơn vị theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi của ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước đối với các khoản chi thường xuyên và Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước đối với các khoản chi không thường xuyên.

## **Điều 10. Quyết toán thu, chi phí qua phà**

1. Đơn vị tổ chức thu phí qua phà phải thực hiện kế toán và quyết toán thu, chi phí qua phà theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Cuối quý, cuối năm đơn vị phải lập báo cáo quyết toán về tình hình thu, chi phí qua phà, sau khi đã quyết toán với cơ quan thuế về số phí qua phà đã thu theo quy định.

Các Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quyết toán tổng hợp thu, chi phí qua phà và lập báo cáo quyết toán theo đúng mẫu biểu và yêu cầu của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Việc xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán phí qua phà hàng năm thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp, cụ thể như sau:

a) Đối với bên phà do trung ương quản lý: Tổng cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm của các bên phà thuộc các Khu Quản lý đường bộ và Sở Giao thông vận tải; tổng hợp gửi Hội đồng quản lý Quỹ trung ương. Hội đồng quản lý Quỹ trung ương thực hiện phê duyệt quyết toán thu, chi tài chính của Quỹ, gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp vào quyết toán của Bộ, gửi Bộ Tài chính.

b) Đối với bên phà thuộc đường địa phương quản lý: Hội đồng quản lý Quỹ địa phương phê duyệt quyết toán thu, chi của các bên phà do địa phương quản lý, gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp, gửi Sở Tài chính theo quy định.

#### **Điều 11. Công tác kiểm tra**

1. Để đảm bảo việc sử dụng phí qua phà đúng mục đích, có hiệu quả. Bộ Giao thông vận tải, Hội đồng quản lý Quỹ trung ương, Hội đồng quản lý Quỹ địa phương, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn phí qua phà tại các đơn vị trực thuộc.

2. Các khoản chi không đúng chế độ, chi sai nội dung qui định tại Thông tư này đều phải xuất toán, thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

#### **Điều 12. Chứng từ thu phí**

Chứng từ thu phí qua phà thực hiện theo Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/02/2013.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 62/TT-LB ngày 23/7/1993 của Liên Bộ - Tài chính - Giao thông vận tải hướng dẫn việc tổ chức thu và quản lý, sử dụng tiền cước qua phà, cầu phao.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng, chứng từ thu phí qua phà không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo Thông tư số

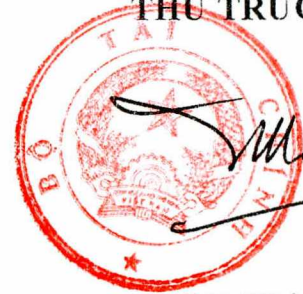
63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính để kịp thời sửa đổi, bổ sung. / *ban*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*MMAR*  
**Vũ Thị Mai**